TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **TP. HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02-01-2018
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cẩm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh.

2. Ông Phạm Văn Tuấn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Tuấn Khương – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa*:** Bà Phan Mỹ Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 825/2017/TLST-HNGĐ ngày 17-7-2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 421/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10-11-2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 327/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07-12-2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Văn Ngọc B, sinh năm: 1991

Địa chỉ: D10/2A ấp 4, xã C, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. (Chị B có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn T, sinh năm: 1992

Địa chỉ: D10/2A ấp 4, xã C, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. (Anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 04-7-2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - Nguyên đơn chị Văn Ngọc B trình bày:

Chị và anh Huỳnh Văn T bắt đầu chung sống từ năm 2014, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 03-3-2014. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, về vấn đề tiền bạc, dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng khó hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Huỳnh Văn T.

Về con chung, chị và anh T có một con chung tên Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 11-8-2012 (giới tính nam), hiện trẻ K sống với anh T. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Trường hợp Tòa án không chấp nhận việc nuôi con của chị thì chị xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị sẽ lo cho con theo khả năng của mình, không đưa ra mức cấp dưỡng cụ thể.

Về tài sản chung, chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, thông qua Văn phòng thừa phát lại huyện Bình Chánh, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng anh Huỳnh Văn T vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh luận của các bên đương sự thì xét thấy thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, cần tiếp tục giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện

Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn chị Văn Ngọc B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Huỳnh Văn T. Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh thì đương sự Huỳnh Văn T có đăng ký thường trú tại địa chỉ D10/2A ấp 4, xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; hiện ông T bỏ đi đâu không rõ. Như vậy, anh T có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Do nguyên đơn chị Văn Ngọc B có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về sự vắng mặt của bị đơn, thông qua Văn phòng thừa phát lại huyện Bình Chánh, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 cho anh T nhưng anh T vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 55, Quyển số 01/2014 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 03-3-2014 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị B xác định giữa chị và anh T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, về vấn đề tài chính, dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Vì vậy, chị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T. Mặt khác, theo kết quả trả lời xác minh Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh về tình trạng hôn nhân thì "*Trong quá trình sinh sống tại địa phương, cuộc sống hôn nhân và gia đình của bà Văn Ngọc B với ông Huỳnh Văn T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không đồng thuận trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Hiện nay ông T đã dẫn con tên Huỳnh Tuấn K bỏ địa phương đi nơi khác sinh sống (không rõ địa chỉ)*". Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Chị B xác nhận giữa chị và anh T có một con chung tên Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 11-8-2012 (giới tính nam). Hiện tại trẻ K đang sống

cùng anh T. Khi ly hôn chị B yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ K, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hội đồng xét xử xét thấy theo như sự thừa nhận của chị B thì trẻ K đang sống với anh T và điều này cũng đúng với kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A. Để đảm bảo sự ổn định về tâm lý, sự phát triển tốt nhất cho trẻ, do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn; cần tiếp tục giao con chung cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị B.

[7] Về tài sản chung: Chị B xác định giữa chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn anh T vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của anh về tài sản chung giữa anh và chị B. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề tài sản chung theo yêu cầu của chị B, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[8] Về nợ chung: Chị B xác định giữa chị và anh T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh T vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của anh về nợ giữa anh và chị B. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề nợ chung theo yêu cầu của chị B, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[9] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chị Văn Ngọc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[10] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, cần tiếp tục giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Văn Ngọc B đối với bị đơn anh Huỳnh Văn T về việc tranh chấp ly hôn.

1.1 Về hôn nhân: Chị Văn Ngọc B được ly hôn với anh Huỳnh Văn T. Quan hệ hôn nhân giữa chị Văn Ngọc B và anh Huỳnh Văn T chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 55, Quyển số 01/2014 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 03-3-2014 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: Chị Văn Ngọc B và anh Huỳnh Văn T có một con chung tên Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 11-8-2012 (giới tính nam). Giao con chung tên Huỳnh Tuấn K cho anh Huỳnh Văn T tiếp tục nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị Văn Ngọc B.

Chị Văn Ngọc B có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3 Về tài sản chung: Chị Văn Ngọc B xác định giữa chị và anh Huỳnh Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết; trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

1.4 Về nợ chung: Chị Văn Ngọc B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết; trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Văn Ngọc B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà chị B đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0022420 ngày 14-7-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Chị B đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Văn Ngọc B và anh Huỳnh Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thị Hồng Cẩm